

Số: /2023/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHÓA IX, KỶ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...tháng ... năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số ...../BC-HĐND ngày ...../...../2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND và Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND; có chuồng nuôi; được UBND cấp xã xác nhận đã xây dựng cơ sở chăn nuôi và có hoạt động chăn nuôi trước ngày Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND có hiệu lực.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đối tượng phụ thuộc* bao gồm con chưa đủ 18 tuổi, cha mẹ ruột từ 60 tuổi trở lên nhưng không được hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước.

2. *Chăn nuôi nông hộ có nguồn thu nhập chính từ chăn nuôi* là trường hợp chủ cơ sở chăn nuôi chỉ có công việc chăn nuôi và nguồn thu từ chăn nuôi là nguồn thu nhập chính của gia đình; trường hợp ngoài công việc chăn nuôi ra, chủ cơ sở còn có các ngành nghề khác thì công việc chăn nuôi phải chiếm nhiều thời gian nhất hoặc thu nhập nhiều nhất.

### **Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí ổn định đời sống, không phải đền bù thiệt hại.

2. Chính sách hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi có xác nhận của chính quyền địa phương.

3. Trong cùng một thời gian, cùng một nội dung hỗ trợ, nếu có nhiều chính sách với mức hỗ trợ khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn một chính sách có mức hỗ trợ có lợi nhất.

4. Mỗi tổ chức, cá nhân được hưởng hỗ trợ một hoặc nhiều nội dung hỗ trợ và chỉ được hưởng hỗ trợ một lần cho từng nội dung hỗ trợ theo cơ chế này.

5. Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng mức và đúng đối tượng.

6. Thời điểm được xem xét hỗ trợ: Chủ cơ sở dừng hoạt động chăn nuôi hoặc di chuyển cơ sở chăn nuôi đến địa điểm phù hợp kể từ ngày Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024.

### **Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ**

#### **1. Hỗ trợ tháo dỡ chuồng trại**

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Đối với cơ sở chăn nuôi có chuồng nuôi tường xây gạch, đá, xi măng hoặc song kim loại, gỗ; cột xây gạch, bê tông hoặc kim loại; nền lát xi măng, mái lợp tôn

hoặc ngói: Mức hỗ trợ 200.000 đồng/m<sup>2</sup> chuồng nuôi, nhưng tối đa không quá 20.000.000 đồng/cơ sở.

Đối với cơ sở chăn nuôi còn lại: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/m<sup>2</sup> chuồng nuôi, nhưng tối đa không quá 5.000.000 đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Có thực hiện kê khai chăn nuôi với UBND cấp xã theo quy định.

Chủ cơ sở chăn nuôi phải thực hiện việc tháo dỡ chuồng nuôi trước ngày 01/01/2025 và có cam kết với UBND cấp xã về việc chấm dứt hoàn toàn hoạt động chăn nuôi tại địa điểm không được phép chăn nuôi.

**2. Hỗ trợ ổn định đời sống**

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Chủ cơ sở và người lao động trực tiếp làm việc tại cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ ổn định đời sống, mức hỗ trợ như sau:

Đối với chăn nuôi nông hộ mà chăn nuôi không phải là nguồn thu nhập chính, chủ cơ sở được hỗ trợ: 3.600.000 đồng/người.

Đối với chăn nuôi nông hộ có nguồn thu nhập chính từ chăn nuôi, chủ cơ sở được hỗ trợ: 6.000.000 đồng/người. Ngoài ra, mỗi đối tượng phụ thuộc được hưởng hỗ trợ: 3.600.000 đồng/người.

Đối với chăn nuôi trang trại, chủ cơ sở và người lao động trực tiếp làm việc tại cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ: 6.000.000 đồng/người. Số người được hưởng hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi, cụ thể như sau: chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: Không quá 02 người/cơ sở; chăn nuôi trang trại quy mô vừa trở lên: Không quá 03 người/cơ sở.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Có thực hiện kê khai chăn nuôi với UBND cấp xã theo quy định.

Đối với chăn nuôi trang trại, người lao động được thuê trực tiếp chăn nuôi tại cơ sở phải được ký hợp đồng lao động theo quy định.

Chủ cơ sở chăn nuôi phải chấm dứt hoạt động chăn nuôi hoặc thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm chăn nuôi mới trước ngày 01/01/2025 và có cam kết với UBND cấp xã về việc chấm dứt hoàn toàn hoạt động chăn nuôi tại địa điểm không được phép chăn nuôi.

**3. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp**

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Chủ cơ sở, người lao động làm việc trực tiếp tại các cơ sở chăn nuôi, khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi, có nhu cầu đào tạo, chuyển đổi nghề được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp hoặc đào tạo dưới 03 tháng, mức hỗ trợ tối đa không quá 3.000.000 đồng/người/khóa học. Số người được hỗ trợ đào tạo nghề theo quy mô chăn nuôi, cụ thể như sau:

Chăn nuôi nông hộ có nguồn thu nhập chính từ chăn nuôi: 01 người/cơ sở.

Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: Không quá 02 người/cơ sở.

Chăn nuôi trang trại quy mô vừa trở lên: Không quá 03 người/cơ sở.

Việc hỗ trợ chi phí học nghề được thực hiện thông qua cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực tiếp tổ chức đào tạo (không chi trả trực tiếp cho người được hỗ trợ).

**b) Điều kiện hưởng hỗ trợ**

Có thực hiện kê khai chăn nuôi với UBND cấp xã theo quy định.

Tuổi của chủ cơ sở chăn nuôi, người lao động (tính từ ngày 31/12/2024 về trước) nằm trong độ tuổi lao động theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành.

Đối với chăn nuôi trang trại, người lao động được thuê trực tiếp chăn nuôi tại cơ sở phải được ký hợp đồng lao động theo quy định.

Chủ cơ sở chăn nuôi phải chấm dứt hoạt động chăn nuôi và có cam kết với UBND cấp xã về việc chấm dứt hoạt động chăn nuôi tại địa điểm không được phép chăn nuôi.

**4. Hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng để chuyển sang hoạt động ngành nghề khác**

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Cơ sở chăn nuôi khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi có nhu cầu vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội để đầu tư một ngành nghề khác (ngoài nghề chăn nuôi) được hỗ trợ 100% lãi suất vay nhưng tối đa không quá 7,92%/năm, thời gian hỗ trợ tối đa 01 năm (12 tháng) tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng, mức vay được hỗ trợ lãi suất không quá 100 triệu đồng.

**b) Điều kiện hưởng hỗ trợ**

- Có thực hiện kê khai chăn nuôi với UBND cấp xã theo quy định.

- Chủ cơ sở chăn nuôi phải chấm dứt hoạt động chăn nuôi trước ngày 01/01/2025 và có cam kết với UBND cấp xã về việc chấm dứt hoàn toàn hoạt động chăn nuôi tại địa điểm không được phép chăn nuôi.

- Đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

**5. Chủ cơ sở chăn nuôi muốn đầu tư phát triển chăn nuôi tại địa điểm mới đảm bảo theo quy định, được xem xét hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn hoặc Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về triển khai thực hiện Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.**

**Điều 5. Thời gian và nguồn kinh phí hỗ trợ**

**1. Thời gian hỗ trợ**

Cơ chế, chính sách hỗ trợ này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2027.

**2. Nguồn kinh phí hỗ trợ**

Nguồn kinh phí để thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp hiện hành.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Hội, Đoàn thể tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tuyên truyền, giám sát và vận động nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa ..., kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ..... /...../2023 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, (.....).

**CHỦ TỊCH**

**Phan Việt Cường**